

Bản án số: 557/2020/HSPT

Ngày: 25/11/2020

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Phương Hạnh;

*Các Thẩm phán:* Bà Nguyễn Thị Thanh Xuân;  
Ông Nguyễn Tất Nam.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa:** Bà Trần Thị Minh Ngọc, Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 11 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 323A/2020/TLPT-HS ngày 24 tháng 4 năm 2020 đối với bị cáo Nguyễn Vinh K do có kháng cáo của các bị hại đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 34/2020/HSST ngày 11 tháng 3 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

**\* Bị cáo bị kháng cáo:**

**Nguyễn Vinh K;** sinh ngày: 23/7/1952; trú tại: Khối X, thị trấn N, huyện N, tỉnh Nghệ An; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 7/10; quốc tịch: Việt Nam, dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa giáo; con ông Nguyễn Vinh K1 (đã chết) và bà Nguyễn Thị V (đã chết); Anh chị em ruột: có 06 anh chị em, bị cáo là con thứ ba trong gia đình; có vợ là Lê Thị T, sinh năm 1967, có 05 con; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị tạm giữ, tạm giam ngày 14/8/2019; có mặt.

**\* Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Vinh K:** Bà Nguyễn Thị T1 - Luật sư Văn phòng luật sư Hà V thuộc Đoàn luật sư tỉnh Nghệ An; có mặt.

**\* Người bị hại có kháng cáo:**

- Chị Lê Thị X, sinh năm 1978; trú tại: Xóm 4, xã H, huyện H, tỉnh Nghệ An; có mặt.

- Anh Dương Văn N, sinh năm 1982; trú tại: Xóm 4, xã H, huyện H, tỉnh Nghệ An; có mặt.

- Anh Ngô Xuân T2, sinh năm 1982; trú tại: Xóm 10, xã H, huyện H, tỉnh Nghệ An; có mặt.

\* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Lê Thị T, sinh năm 1967; địa chỉ: Khôi X, thị trấn N, huyện N, tỉnh Nghệ An; có mặt.

*Ngoài ra, trong vụ án còn có các đương sự khác không kháng cáo nên Tòa án không triệu tập.*

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do nợ tiền ngân hàng nhưng làm ăn thua lỗ nên Nguyễn Vinh K nảy sinh ý định lừa đưa người đi du học, đi du lịch ở nước ngoài để chiếm đoạt tài sản của người khác. Để tạo niềm tin cho những người có nhu cầu, K cho họ biết có 04 con đang đi du học Mỹ và Canada, đồng thời cho họ xem giấy thị thực - Visa Canada của mình và con gái. Ngoài ra, K còn tìm hiểu trên mạng internet về quy trình, quy định làm thủ tục đi du học, đi du lịch để biết khi tư vấn. Với thủ đoạn trên, từ tháng 8/2018 đến tháng 10/2018, K đã lừa đảo chiếm đoạt của 03 bị hại với tổng số tiền 1.824.000.000 đồng (Một tỷ tám trăm hai mươi tư triệu đồng), cụ thể:

*Vụ thứ nhất:* Tháng 7/2018, sau khi nghe thông tin Nguyễn Vinh K làm được thủ tục đưa người đi du học nên chị Lê Thị X đi cùng chị Nguyễn Thị L đến hỏi và nhờ K làm thủ tục đi du học cho con gái là cháu Ngô Thị A, sinh năm 2004. K nhận lời và yêu cầu chi phí đi du học là 400.000.000 đồng (Bốn trăm triệu đồng/người) kèm theo hồ sơ. Sau khi nhờ K lo thủ tục cho cháu Ánh, chị X tiếp tục nhờ K làm thủ tục đi du học cho cháu Trần Thảo U, sinh năm 2004 (bạn của cháu A, con gái của chị Dương Thị C, sinh năm 1981, trú tại xóm 4, xã H, huyện H, tỉnh Nghệ An) và anh Nguyễn Văn T3, sinh năm 1990 (con của ông Nguyễn Văn Q, trú tại xóm Q, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An - người quen thân của chị X). Từ ngày 11/7/2018 đến cuối tháng 9/2018 theo yêu cầu của K, chị X đã đưa cho K 03 bộ hồ sơ cũng như chuyển vào tài khoản trực tiếp cho K nhiều lần với số tiền là 1.224.000.000 đồng (Một tỷ hai trăm hai mươi tư triệu đồng). Cụ thể:

- Ngày 11/7/2018, chị X chuyển vào tài khoản của K số tiền 130.000.000 đồng (Một trăm ba mươi triệu đồng) là tiền đặt cọc cho cháu Ánh và cháu Uyên. Cùng ngày, K rút toàn bộ số tiền trên ra tiêu xài cá nhân hết. Ngày 18/7/2018, chị X đến nhà K để viết giấy nhận tiền. Do chữ xấu, tay run nên K đã đọc và nhờ bà Lê Thị T (vợ của K) viết giấy nhận tiền là 130.000.000 đồng (một trăm ba mươi triệu đồng). K và bà T ký vào giấy nhận tiền để làm tin với chị X (BL 91, 93).

- Ngày 23/7/2018, chị X đi cùng anh Ngô Xuân H (là chồng của chị X) đã chuyển vào tài khoản của K 90.000.000 đồng (chín mươi triệu đồng). Đây là số

tiền mà K nói để làm thủ tục giấy tờ cho bố của cháu A và cháu U có chức danh trong Công ty TNHH vàng bạc Trường K nhằm chứng minh điều kiện kinh tế. Ngày 24/7/2018, K rút toàn bộ số tiền trên tiêu xài cá nhân (BL 92);

- Ngày 27/7/2018, chị X chuyển vào tài khoản của K số tiền 54.000.000 đồng (năm mươi tư triệu đồng). Đây là số tiền mà K yêu cầu để liên hệ ngân hàng làm chứng minh tài chính bằng sổ tiết kiệm. Ngày 27/7/2018, K rút toàn bộ số tiền 54.000.000 đồng (Năm mươi tư triệu đồng) tiêu xài cá nhân (BL 94);

- Ngày 21/8/2018, sau khi nhận tiền của ông Nguyễn Văn Q, chị X chuyển vào tài khoản của K số tiền 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng). Đây là số tiền K yêu cầu đặt cọc cho anh T3. Ngày 21/8/2018 K rút toàn bộ số tiền trên tiêu xài cá nhân hết (BL 98);

- Ngày 31/8/2018, chị X chuyển vào tài khoản cá nhân của K số tiền 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng). Đây là số tiền K yêu cầu đặt cọc để làm thủ tục cho anh T3. Ngày 31/8/2018, K rút toàn bộ số tiền trên tiêu xài cá nhân hết (BL 97);

Do K yêu cầu chị X phải chuyển 600.000.000 đồng (sáu trăm triệu đồng) để xin thư mời du học Canada cho cháu A và cháu U, nên ngày 17/9/2018, chị X, anh H và chị L đến nhà K và giao cho K số tiền là 570.000.000 đồng (Năm trăm bảy mươi triệu đồng). Mặc dù thấy thiếu 30.000.000 đồng, nhưng K vẫn nhờ bà Thủy viết giấy nhận đủ số tiền 600.000.000 đồng (Sáu trăm triệu đồng). K và bà T ký vào giấy nhận tiền để làm tin với chị X. Đến ngày 18/9/2018, chị X chuyển vào tài khoản của K 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng) số tiền còn thiếu. Số tiền đó K đã sử dụng để trả ngân hàng và tiêu xài cá nhân (BL 95, 96; 215 - 259).

*Vụ thứ hai:* Vào khoảng tháng 9/2018, vợ chồng chị Lê Thị X và anh Ngô Xuân H đến nhà K để đưa giấy lý lịch tư pháp của cháu A và cháu U. Do biết anh Dương Văn N và anh Ngô Xuân T2, trú tại xã H, huyện H, tỉnh Nghệ An (là con cậu và con bác của anh H) có nhu cầu đi du lịch Úc để làm ăn nên chị X, anh H hỏi K2. Mặc dù không có khả năng, nhưng K vẫn nhận lời và hẹn gặp anh H, anh N và anh T2 tại quán cà phê (không nhớ tên quán) trên đường quốc lộ 46 thuộc xã H, huyện H, tỉnh Nghệ An. K thuê xe ô tô do anh Nguyễn Thành N1, trú tại thị trấn N, huyện N, tỉnh Nghệ An chở đến. Tại quán cà phê cũng với cách thức như trên K đưa các thông tin có 04 con đi du học Canada, có thị thực visa Canada. K nói chi phí mỗi người đi du lịch Úc là 400.000.000 đồng (bốn trăm triệu đồng) cùng với giấy tờ: Sổ hộ khẩu, CMND, sơ yếu lý lịch, chứng minh sổ tiết kiệm, hộ chiếu... Để tạo thêm niềm tin cho anh N và anh T2, sau 10 ngày K hẹn gặp anh T2, anh N và anh H đến một quán nước gần Quảng trường Hồ Chí Minh thành phố V. Tại đây K đưa anh H và anh N ký một số giấy tờ làm thủ tục đăng ký thay đổi đăng ký kinh doanh từ Doanh nghiệp tư nhân Trường K thành Công ty TNHH vàng bạc Trường Kỳ Kim Nhật A (mặc dù công ty không hoạt động, không có vốn đầu tư theo giấy chứng nhận). Tin tưởng K, anh N và

anh T2 đã chuyển cho K mỗi người với số tiền 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng) và bộ hồ sơ, cụ thể:

- Ngày 10/10/2018, anh N và anh T2 đến nhà đưa cho K số tiền 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng) để K làm thủ tục đi du lịch tại Úc cho anh N. K nhờ bà T đếm tiền và viết giấy nhận tiền;

- Ngày 12/10/2018, anh N và anh T2 tiếp tục đến nhà đưa cho K số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng). K nhờ bà T đếm tiền và viết giấy nhận tiền với số tiền là 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng). K ký vào giấy nhận tiền, anh N đưa lại giấy nhận tiền viết ngày 10/10/2018 là 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng) cho K (BL 108).

- Ngày 15/10/2018, anh T2 đi cùng anh N đến ngân hàng chuyển vào tài khoản của K số tiền 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng) để K làm thủ tục đi du lịch tại Úc cho anh T2. Ngày 17/10/2018, anh T2 và anh N đến nhà của K viết giấy nhận tiền, K nhờ bà T viết giấy nhận tiền. K ký giấy nhận tiền. Do ngày chuyển khoản là 15/10/2018 nhưng ngày đến viết giấy nhận tiền là 17/10/2018 nên K sửa tại giấy nhận tiền ngày 17/10/2018 thành ngày 15/10/2018 cho phù hợp với ngày chuyển tiền. Số tiền trên K đã trả nợ ngân hàng và tiêu xài cá nhân hết (BL 110, 111; 233- 259).

Chị X, anh T2 và anh N không thấy kết quả đi du học và đi du lịch như K đã thỏa thuận nên nhiều lần yêu cầu K trả lại số tiền nhưng K không trả.

Ngày 24/7/2019, chị X làm đơn tố cáo hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của Nguyễn Vinh K đến cơ quan CSĐT Công an tỉnh Nghệ An.

Ngày 14/8/2019, Nguyễn Vinh K đã đến cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Nghệ An đầu thú về hành vi phạm tội của mình.

Cơ quan điều tra Công an tỉnh Nghệ An đã trưng cầu giám định chữ viết, chữ ký tài liệu thu thập được. Tại Bản kết luận giám định số 314 ngày 19/8/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh, kết luận (BL 129):

“Chữ viết trên 02 “giấy nhận tiền” ký hiệu A1, A2 so với chữ viết của Lê Thị T trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M1, M2, M3 là do cùng một người viết ra.

Chữ ký ghi tên Lê Thị T ở bên phải mục “Vợ” trên “Giấy nhận tiền” ký hiệu A1, A2 so với chữ viết của Lê Thị T trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M1, M2, M3, M4 là do cùng một người ký ra.

Chữ viết trên tờ giấy kẻ ngang có nội dung “Hôm nay ngày 09/03/2019... Nguyễn Vinh K” ký hiệu A3 so với chữ viết của Nguyễn Vinh K trên các tài liệu mẫu so sánh M5, M6, M7, M8, M9 là do cùng một người viết ra.

Chữ ký ghi tên Nguyễn Vinh K ở bên phải mục “chồng” trên “Giấy nhận tiền” ký hiệu A1; chữ ký ghi tên Nguyễn Vinh K dưới mục “Người nhận tiền” trên tờ giấy kẻ ngang có nội dung “Hôm nay 09/03/2019... Nguyễn Vinh K” ký

hiệu A3 so với chữ ký của Nguyễn Vinh K trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M5, M6, M7, M8, M9 là do cùng một người ký ra”.

Tại Bản kết luận giám định số 423 ngày 27/11/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Nghệ An kết luận (BL 130):

“Chữ viết (trừ các chữ dưới mục “Người giao tiền”) trên “Giấy nhận tiền” ký hiệu A1; chữ viết (trừ các chữ dưới mục “Người giao tiền”) trên “Giấy nhận tiền” ký hiệu A2; chữ viết trên mảnh giấy có ghi nội dung “Chú S Hà Nội ĐT: 0462814340...Hà Nội” ký hiệu A3 so với chữ viết của Lê Thị T trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M1, M2, M3 là do cùng một người viết ra.

Chữ ký dưới mục “Người nhận tiền” trên 02 “Giấy nhận tiền” ký hiệu A1, A2, A3 so với chữ ký của Nguyễn Vinh K trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M4, M5, M6 là do cùng một người ký ra”.

Ngày 07/10/2019, anh Dương Văn N và anh Ngô Xuân T2 đến cơ quan CSĐT Công an tỉnh Nghệ An tố cáo hành vi của Nguyễn Vinh K.

\* Về trách nhiệm dân sự:

Chị Lê Thị X yêu cầu Nguyễn Vinh K trả lại cho chị số tiền 1.224.000.000. đồng (Một tỷ hai trăm hai mươi bốn triệu đồng). Gia đình bị cáo đã trả cho chị X tổng số tiền 210.000.000 đồng (Hai trăm mười triệu đồng), nay chị X yêu cầu bị cáo trả tiếp số tiền còn lại là 1.014.000.000 đồng (Một tỷ không trăm mười bốn triệu đồng).

Anh Dương Văn Ninh và anh Ngô Xuân T2 yêu cầu Nguyễn Vinh K trả lại số tiền 600.000.000 đồng (mỗi người 300.000.000 đồng). Gia đình K đã trả cho anh N, anh T2 mỗi người 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng). Nay anh T2, anh N yêu cầu trả tiếp số tiền còn lại mỗi người 250.000.000 đồng (Hai trăm năm mươi triệu đồng) (BL 116-116a).

Chị Dương Thị C và ông Nguyễn Văn Q là những người đưa tiền cho chị X để đưa cho K, chị X đã trả lại số tiền 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng), nay chị C yêu cầu chị X trả số tiền còn lại là 337.000.000 đồng (ba trăm ba mươi bảy triệu đồng), ông Q yêu cầu chị X trả lại 350.000.000 đồng (ba trăm năm mươi triệu đồng) (BL 335-336; 344-345).

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 34/2020/HSST ngày 11 tháng 3 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An đã quyết định:

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự xử phạt: Bị cáo Nguyễn Vinh K 13 (mười ba) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam bị cáo 14/8/2019.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Nguyễn Vinh K bồi thường cho chị Lê Thị X tổng số tiền 1.224.000.000đ, bị cáo đã bồi thường 210.000.000đ, nay bị cáo phải bồi thường tiếp cho chị X số tiền 1.014.000.000đ.

Buộc bị cáo Nguyễn Vinh K bồi thường cho anh Dương Văn N và anh Ngô Xuân T, mỗi người 300.000.000đ. Bị cáo đã bồi thường cho anh Dương Văn N và anh Ngô Xuân T2, mỗi người 50.000.000đ, nay bị cáo phải bồi thường tiếp cho anh N, anh T2 mỗi người 250.000.000đ.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng, về trách nhiệm do chậm thi hành án, về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 20/3/2020, người bị hại là chị Lê Thị X, anh Dương Văn N và anh Ngô Xuân T2 có đơn kháng cáo toàn bộ bản án với lý do vụ án có dấu hiệu bỏ lọt tội phạm đối với bà Lê Thị T (là vợ bị cáo K).

Tại phiên tòa phúc thẩm, người bị hại là chị Lê Thị X, anh Dương Văn N và anh Ngô Xuân T2 cho rằng bà T là người viết giấy nhận tiền, tham gia đếm tiền và có lời nói tạo lòng tin cho các anh, chị nên các anh, chị kháng cáo đề nghị xem xét xử lý trách nhiệm hình sự đối với bà Lê Thị T với vai trò đồng phạm cùng với bị cáo K thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản; không kháng cáo về hình phạt, về trách nhiệm dân sự và các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm.

Bị cáo K thừa nhận hành vi phạm tội và khẳng định chỉ nhờ bà T (là vợ bị cáo) viết hộ giấy nhận tiền, không bàn bạc với bà T về việc thực hiện hành vi lừa đảo. Bà T không biết việc bị cáo lừa làm thủ tục đi du học, du lịch để lấy tiền của các bị hại. Luật sư bào chữa cho bị cáo trình bày do bị cáo K không bị kháng cáo về hình phạt, về trách nhiệm dân sự nên không tranh luận, thống nhất với ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Bà Lê Thị T trình bày bà không biết bị cáo K thực hiện hành vi lừa đảo bằng hình thức lừa làm thủ tục đi du học, du lịch ở nước ngoài, việc bà viết giấy nhận tiền là do bị cáo K nhờ bà viết hộ, bà không tham gia tư vấn cho những người bị hại, không nhận tiền và không được hưởng lợi ích vật chất từ hành vi lừa đảo của bị cáo K.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội sau khi phân tích nội dung vụ án, trình bày của người bị hại, bị cáo và bà T, kết quả tranh tụng đã kết luận: Do làm ăn thua lỗ, bị cáo K đã lừa đảo chiếm đoạt tài sản của người bị hại với tổng số tiền là 1.824.000.000đ bằng hình thức làm thủ tục đi du học và du lịch.

Bà Lê Thị T (là vợ bị cáo K) liên quan đến việc viết giấy nhận tiền, đếm tiền của người bị hại và được K đưa cho 190.000.000đ để trả tiền nợ gốc và tiền lãi. Bà T biết bị cáo K làm thủ tục đi du học cho những người nêu trên, nhưng quá trình điều tra và lời khai tại phiên tòa sơ thẩm, phiên tòa phúc thẩm bà T khai do tin tưởng bị cáo K có khả năng làm được và viết hộ K giấy nhận tiền; không bàn bạc, không biết mục đích K lừa đảo chiếm đoạt tài sản và không biết số tiền K đưa cho là do phạm tội mà có. Do đó, các cơ quan tố tụng cấp sơ thẩm

xác định chưa có căn cứ chứng minh bà T có bàn bạc cùng với bị cáo K thực hiện hành vi phạm tội nên không có cơ sở buộc bà Thủy phải chịu trách nhiệm hình sự là phù hợp. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của người bị hại là chị X, anh N và anh T2; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Vinh K thừa nhận hành vi phạm tội của mình và khẳng định một mình bị cáo thực hiện hành vi phạm tội, không có sự bàn bạc với vợ bị cáo là bà Lê Thị T thực hiện hành vi lừa đảo để chiếm đoạt tiền của chị X, anh N và anh T2; vợ và con của bị cáo không biết bị cáo thực hiện hành vi lừa đảo. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở kết luận: Trong thời gian từ tháng 7 đến tháng 10/2018, do nợ tiền Ngân hàng và làm ăn thua lỗ nên Nguyễn Vinh K đã đưa ra thông tin gian dối là sẽ đưa được người đi du học, du lịch ở nước ngoài để chiếm đoạt tài sản của chị Lê Thị X, anh Dương Văn N và anh Ngô Xuân T2 với tổng số tiền là 1.824.000.000đ, trong đó chiếm đoạt của chị X tổng số tiền là 1.224.000.000đ để làm thủ tục cho cháu Ngô Thị A, cháu Trần Thảo U và anh Nguyễn Văn T3 đi du học ở Canada; chiếm đoạt của anh N và anh T2 mỗi người 300.000.000đ để làm thủ tục đi du lịch ở Úc. Do đó, Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An đã xét xử bị cáo Nguyễn Vinh K về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015 là có căn cứ, đúng pháp luật. Sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo K không kháng cáo và cũng không bị người bị hại kháng cáo.

Xét kháng cáo của người bị hại cho rằng có dấu hiệu bỏ lọt tội phạm đối với bà Lê Thị T (là vợ bị cáo K), Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng:

Quá trình điều tra và xét xử, chị X, anh N và anh T2 cho rằng bà Thủy có liên quan đến hành vi lừa đảo của bị cáo K với lý do bà T là người viết giấy nhận tiền và đếm tiền của các anh, chị; có những lời nói tạo lòng tin cho các anh, chị. Tuy nhiên, căn cứ biên bản lấy lời khai của chị X, anh N và anh T2 tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa phúc thẩm thể hiện các anh, chị đều xác nhận việc bà T viết giấy nhận tiền và đếm tiền là do bị cáo K nhờ bà T viết; trong quá trình viết giấy biên nhận và đếm tiền bà T không nói, không tư vấn gì liên quan đến làm thủ tục đi du học, du lịch tại nước ngoài và không biết việc thỏa thuận giữa bị cáo K và bà T, chỉ có bị cáo K tư vấn làm thủ tục đi du học và đi du lịch cho các anh, chị; bà T không tham gia tư vấn cùng với bị cáo K. Trong khi đó, bị cáo K khẳng định việc thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tiền của các bị hại do mình bị cáo thực hiện; bị cáo không bàn bạc với bà T để thực

hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt; việc bà T viết giấy nhận tiền và đếm tiền là do bị cáo nhờ bà T viết và nội dung giấy nhận tiền do bị cáo đọc cho bà T viết; bà T không biết bị cáo lừa đảo chị X, anh N và anh T2 để lấy tiền. Bà Lê Thị T thừa nhận viết các giấy nhận tiền của chị X, anh N, anh T2 và có ký tên tại một số giấy biên nhận, nhưng nội dung các giấy biên nhận này đều do bị cáo K đọc cho bà viết. Bà T không biết bị cáo K lừa đảo các bị hại nêu trên bằng hình thức làm thủ tục đi du học, đi du lịch tại nước ngoài mà tin rằng bị cáo K làm được thủ tục đi du học, đi du lịch cho những người này với lý do trước đó bị cáo K đã làm được thủ tục đi du học cho 04 người con của bị cáo K và nội dung các giấy nhận tiền đều cam kết sẽ hoàn trả lại tiền trong trường hợp không làm được; bà T không được hưởng lợi từ việc viết giấy nhận tiền nêu trên; bà không biết số tiền 190.000.000đ bị cáo K đưa cho bà để trả nợ ngân hàng là tiền do phạm tội mà có và bị cáo K cũng không nói nguồn gốc số tiền này cho bà biết, đến khi bị cáo K bị bắt thì bà T mới biết bị cáo K lừa đảo để lấy tiền của những người bị hại. Mặt khác, những người bị hại đều thừa nhận đã chuyển phần lớn tiền làm thủ tục đi du học, du lịch qua tài khoản cho bị cáo K trước khi bà T viết giấy nhận tiền, việc viết giấy biên nhận chỉ là xác nhận tổng số tiền bị cáo K đã nhận.

Từ những phân tích nêu trên cho thấy mặc dù bà T là người viết giấy nhận tiền và đếm tiền của chị X, anh N và anh T2 khi những người này đến nhờ bị cáo K làm thủ tục đi du học và đi du lịch ở nước ngoài, nhưng bà T không biết mục đích bị cáo K lừa đảo những người bị hại nêu trên để chiếm đoạt tài sản và không có căn cứ chứng minh có sự bàn bạc, thỏa thuận giữa bị cáo K với bà T để thực hiện hành vi phạm tội, bà T không biết số tiền 190 triệu đồng bị cáo K đưa là tiền do phạm tội mà có nên các cơ quan tiến hành tố tụng cấp sơ thẩm xác định chưa có đủ căn cứ để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với bà T với vai trò đồng phạm cùng với bị cáo K thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của những người bị hại là có cơ sở. Do đó, kháng cáo của người bị hại là chị X, anh N và anh T2 đề nghị xem xét trách nhiệm hình sự đối với bà Lê Thị T là không có căn cứ chấp nhận.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị Tòa án cấp phúc thẩm không xem xét.

Về án phí: Người bị hại kháng cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban



Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của người bị hại là chị Lê Thị X, anh Dương Văn N và anh Ngô Xuân T2 về việc đề nghị xử lý trách nhiệm hình sự đối với bà Lê Thị T (là vợ bị cáo K).

Các quyết định của Bản án hình sự sơ thẩm số 34/2020/HSST ngày 11/3/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Về án phí hình sự phúc thẩm: Những người bị hại kháng cáo là chị Lê Thị X, anh Dương Văn N và anh Ngô Xuân T2 không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- Trại tạm giam tỉnh Nghệ An;
- Công an tỉnh Nghệ An;
- Cục THADS tỉnh Nghệ An;
- Bị cáo K (qua trại);
- Người bị hại X, N, T2 (theo địa chỉ)
- Lưu HS, HCTP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Phương Hạnh**